

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023; được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024, Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025;

Theo đó cơ sở y tế được tự quyết định mua sắm thuốc, thiết bị y tế để bán lẻ tại nhà thuốc trong khuôn viên của cơ sở y tế công lập, mua vắc xin để tiêm chủng theo hình thức dịch vụ trên cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình.;

Bệnh viện Đa khoa Hoà Bình có nhu cầu mua vắc xin cho phòng tiêm vắc xin dịch vụ. Bệnh viện trân trọng thông báo đến quý công ty có đủ năng lực, kinh nghiệm có nhu cầu cung ứng thuốc tại nhà thuốc bệnh viện liên hệ và cung cấp hồ sơ hợp lệ của thuốc cho bệnh viện với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

- Bệnh viện Đa khoa Hoà Bình, Địa chỉ: đường Cù Chính Lan, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ.

2. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Văn bản báo giá bản cứng: Gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp văn thư theo địa chỉ: Phòng Văn thư, Bệnh viện Đa khoa Hoà Bình, đường Cù Chính Lan, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ. *(Trên bì thư ghi rõ: Báo giá cho thư mời báo giá số.... ngày ... tháng ... năm 2026).*

- File excel gửi qua Email: khoaduocbvhb@gmail.com với tiêu đề email và file: TÊN CÔNG TY - Báo giá cho thư mời báo giá số.... ngày ... tháng ... năm 2026.

- Thông tin liên hệ: khoa Dược, Số điện thoại: 0911.123.780 hoặc 0392.204.989

3. Thời hạn tiếp nhận báo giá: 10 ngày kể từ ngày đăng thư mời báo giá.

(Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét).

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hoá:

- Danh mục mua vắc xin tại phòng tiêm vắc xin dịch vụ năm 2026-2027 (*Phụ lục chi tiết đính kèm*)

2. Bảng báo giá (*Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền ký*)
(*Mẫu báo giá Phụ lục 2 đính kèm*)

3. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày hãng sản xuất hoặc nhà cung cấp chào báo giá theo nội dung của Thư mời chào báo giá này.

4. Địa điểm giao hàng: Khoa Dược - Bệnh viện Đa khoa Hoà Bình, Địa chỉ: đường Cù Chính Lan, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ.

5. Thời gian giao hàng dự kiến: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Giao hàng thành từng đợt theo nhu cầu của Phòng tiêm Vắc xin dịch vụ.

6. Gửi kèm theo Bảng báo giá:

- Hồ sơ năng lực của công ty:

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược.

+ Giấy chứng nhận “thực hành tốt phân phối thuốc GDP”, giấy chứng nhận thực hành tốt GMP ...

+ Chứng chỉ hành nghề dược của người phụ trách chuyên môn.

- Hồ sơ sản phẩm:

+ Giấy phép lưu hành của sản phẩm/Quyết định công bố giấy phép lưu hành/Giấy phép nhập khẩu.

+ Kết quả trúng thầu đấu thầu rộng rãi (trong vòng 12 tháng) ;

+ Mẫu nhãn, hướng dẫn sử dụng được Cục quản lý Dược phê duyệt mới nhất.

- Bản cam kết: Bản cam kết hồ sơ và chất lượng sản phẩm của đơn vị cung cấp

+ Cam kết giao hàng trong vòng 3-5 ngày kể từ khi nhận được đơn đặt hàng của nhà thuốc bệnh viện.

+ Cam kết về hạn sử dụng còn lại của thuốc tính từ thời điểm cung ứng cho nhà thuốc phải đảm bảo tối thiểu là 01 năm kể từ ngày giao hàng. Cam kết thu hồi

hàng tồn kho trước khi hết hạn sử dụng 03 tháng hoặc đổi lại hàng mới cùng chủng loại có hạn dùng như đã qui định.

+ Cam kết thu hồi thuốc trong trường hợp thuốc đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của nhà thuốc.

Lưu ý:

- Đơn giá của quý công ty đã bao gồm thuế, phí vận chuyển và các chi phí khác (nếu có), bên mua không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm.

- Bệnh viện xem xét không tổng hợp báo giá trong các trường hợp sau:

+ *Không có báo giá bản cứng được ký bởi người có thẩm quyền;*

+ *Không có thông tin rõ ràng như địa chỉ, số điện thoại, email hoặc ký bởi người không có thẩm quyền;*

Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình kính mời các Công ty sản xuất, kinh doanh dược phẩm có đủ năng lực, kinh nghiệm chào giá hàng hóa theo yêu cầu nêu trên tại phụ lục đính kèm.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Phòng TCKT, KD;
- Các khoa, phòng BV;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hoàng Diệu

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC VẮC XIN TẠI PHÒNG TIÊM VẮC XIN DỊCH VỤ NĂM 2026-2027
(Kèm theo Thư mời báo giá số 1025 /TMBG-BVĐKHB ngày 06 tháng 5 năm 2026)

ST T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Dạng bào chế	Nhóm TCK T	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng
1	VA-MENGOC-BC	Mỗi liều 0,5ml chứa: Protein màng ngoài não mô cầu nhóm B 50µg; Polysaccharide vỏ não mô cầu nhóm C 50µg	Mỗi liều 0,5ml chứa: Protein màng ngoài não mô cầu nhóm B 50µg; Polysaccharide vỏ não mô cầu nhóm C 50µg	Hỗn dịch tiêm	5	Tiêm	Lọ	200
2	Huyết thanh kháng độc tố uốn ván tinh chế (SAT)	Huyết thanh kháng uốn ván	1.500 đvqt	Dung dịch tiêm	4	Tiêm	Ống	400
3	Pneumovax 23	Mỗi liều vắc-xin (0,5 ml) chứa 25mcg mỗi loại trong số 23 loại huyết thanh polysaccharide của phế cầu khuẩn Đan Mạch: 1, 2, 3, 4, 5, 6B, 7F, 8, 9N, 9V, 10A, 11A, 12F, 14, 15B, 17F, 18C, 19A, 19F, 20, 22F, 23F, 33F	Mỗi liều vắc-xin (0,5 ml) chứa 25mcg mỗi loại trong số 23 loại huyết thanh polysaccharide của phế cầu khuẩn Đan Mạch: 1, 2, 3, 4, 5, 6B, 7F, 8, 9N, 9V, 10A, 11A, 12F, 14, 15B, 17F, 18C, 19A, 19F, 20, 22F, 23F, 33F	Dung dịch tiêm	1	Tiêm	Bơm tiêm	500
4	Verorab Vắc xin dại (bất hoạt)	Mỗi liều vắc xin hoàn nguyên 0,5ml chứa: Virus dại bất hoạt (chủng Wistar Rabies PM/WI 38 1503-3M) 3,25 IU (hàm lượng đo theo chuẩn quốc tế và thử nghiệm ELISA)	3.25 IU/0.5ml/liều	Vắc xin bột đông khô và dung môi hoàn nguyên	1	Tiêm	Lọ	200

ST T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Dạng bào chế	Nhóm TCK T	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng
5	Influvac Tetra	A/Darwin/9/2021 (H3N2)-like strain (A/Darwin/9/2021, SAN-010) 15mcg haemagglutinin, A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09-like strain (A/Victoria/4897/2022, IVR-238) 15mcg haemagglutinin, B/Austria/1359417/2021-like strain (B/Austria/1359417/2021, BVR-26) 15mcg haemagglutinin, B/Phuket/3073/2013-like strain (B/Phuket/3073/2013, wild type) 15mcg haemagglutinin	Mỗi 0,5ml vắc xin chứa: A/Darwin/9/2021 (H3N2)-like strain (A/Darwin/9/2021, SAN-010) 15mcg haemagglutinin, A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09-like strain (A/Victoria/4897/2022, IVR-238) 15mcg haemagglutinin, B/Austria/1359417/2021-like strain (B/Austria/1359417/2021, BVR-26) 15mcg haemagglutinin, B/Phuket/3073/2013-like strain (B/Phuket/3073/2013, wild type) 15mcg haemagglutinin	Hỗn dịch tiêm	1	Tiêm	Hộp	1500
6	Gardasil 9	Mỗi liều 0,5mL chứa 30mcg protein L1 HPV týp 6; 40mcg protein L1 HPV týp 11; 60mcg protein L1 HPV týp 16; 40mcg protein L1 HPV týp 18; 20mcg protein L1 HPV cho mỗi týp 31,33,45,52 và 58	Mỗi liều 0,5mL chứa 30mcg protein L1 HPV týp 6; 40mcg protein L1 HPV týp 11; 60mcg protein L1 HPV týp 16; 40mcg protein L1 HPV týp 18; 20mcg protein L1 HPV cho mỗi týp 31,33,45,52 và 58	Hỗn dịch tiêm	1	Tiêm	Bơm tiêm	500
7	Vắc xin uốn ván hấp phụ (TT)	Giải độc tố uốn ván tinh chế	Mỗi liều 0,5ml chứa: giải độc tố uốn ván tinh chế $\geq 40IU$	Hỗn dịch tiêm	4	Tiêm	Ống	300
8	Twinrix	Mỗi liều 1ml chứa Hepatitis A virus antigen (HM175 strain) 720 Elisa units; r-DNA Hepatitis B virus surface antigen (HBsAg) 20mcg	Mỗi liều 1ml chứa Hepatitis A virus antigen (HM175 strain) 720 Elisa units; r-DNA Hepatitis B virus surface antigen (HBsAg) 20mcg	Hỗn dịch tiêm	1	Tiêm	Hộp	300

ST T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Dạng bào chế	Nhóm TCK T	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng
9	Qdenga	Mỗi liều vắc xin 0,5ml sau khi hoàn nguyên chứa: Tuýp huyết thanh 1 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 3,3 \log 10$ PFU; Tuýp huyết thanh 2 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 2,7 \log 10$ PFU; Tuýp huyết thanh 3 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,0 \log 10$ PFU; Tuýp huyết thanh 4 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,5 \log 10$ PFU	Mỗi liều vắc xin 0,5ml sau khi hoàn nguyên chứa: Tuýp huyết thanh 1 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 3,3 \log 10$ PFU; Tuýp huyết thanh 2 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 2,7 \log 10$ PFU; Tuýp huyết thanh 3 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,0 \log 10$ PFU; Tuýp huyết thanh 4 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,5 \log 10$ PFU	Bột pha tiêm	5	Tiêm	Liều	300

ST T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Dạng bào chế	Nhóm TCK T	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng
10	Infanrix Hexa	Sau khi hoàn nguyên 01 liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu $\geq 30IU$; Giải độc tố uốn ván $\geq 40IU$; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 25mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 25mcg và Pertactin 8mcg; Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B 10mcg; Virus bại liệt týp 1 bất hoạt (chủng Mahoney) 40DU; Virus bại liệt týp 2 bất hoạt (chủng MEF-1) 8DU; Virus bại liệt týp 3 bất hoạt (chủng Saukett) 32DU; Polysaccharide của Haemophilus influenza týp b 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván như protein chất mang	Sau khi hoàn nguyên 01 liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu $\geq 30IU$; Giải độc tố uốn ván $\geq 40IU$; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 25mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 25mcg và Pertactin 8mcg; Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B 10mcg; Virus bại liệt týp 1 bất hoạt (chủng Mahoney) 40DU; Virus bại liệt týp 2 bất hoạt (chủng MEF-1) 8DU; Virus bại liệt týp 3 bất hoạt (chủng Saukett) 32DU; Polysaccharide của Haemophilus influenza týp b 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván như protein chất mang	Bột đông khô Hib và hỗn dịch (DTPa - HBV-IPV) để pha hỗn dịch tiêm	1	Tiêm	Liều u	100
11	M-M-R II	Lọ (0,5 ml): - Vi-rút sởi 1.000 CCID50; - Vi rút Quai bị 12.500 CCID50; - Vi rút Rubella 1.000 CCID50	Lọ (0,5 ml): - Vi-rút sởi 1.000 CCID50; - Vi rút Quai bị 12.500 CCID50; - Vi rút Rubella 1.000 CCID50	Bột đông khô pha tiêm	1	Tiêm	Lọ	50

ST T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Dạng bào chế	Nhóm TCK T	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng
12	Prevenar 13	Mỗi liều đơn 0,5ml có chứa: Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phé cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg;	Mỗi liều đơn 0,5ml có chứa: Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phé cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg;	Hỗn dịch tiêm	1	Tiêm	Bơ m tiêm	200

ST T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Dạng bào chế	Nhóm TCK T	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng
13	Priorix	Virus sởi sống, giảm độc lực (chủng Schwarz) $\geq \lg 3$ CCID50; Virus quai bị sống, giảm độc lực (chủng RIT 4385) $\geq \lg 3,7$ CCID50; Virus rubella sống, giảm độc lực (chủng Wistar RA 27/3) $\geq \lg 3$ CCID51	Virus sởi sống, giảm độc lực (chủng Schwarz) $\geq \lg 3$ CCID50; Virus quai bị sống, giảm độc lực (chủng RIT 4385) $\geq \lg 3,7$ CCID50; Virus rubella sống, giảm độc lực (chủng Wistar RA 27/3) $\geq \lg 3$ CCID51	Bột vắc xin đông khô	1	Tiêm	Lọ	100
14	Synflorix	Một liều (0,5ml) chứa: polysaccharide của các týp huyết thanh 11,2, 51,2, 6B1,2, 7F1,2, 9V1,2, 141,2, 23F1,2 và của các týp huyết thanh 41,2, 18C1,3, 19F1,5	1mcg; 3mcg	Hỗn dịch tiêm	1	Tiêm	Liều	30
15	Varilrix	Virus thủy đậu sống giảm độc lực (chủng OKA) ≥ 103.3 PFU	Virus thủy đậu sống giảm độc lực (chủng OKA) ≥ 103.3 PFU	Bột đông khô và dung dịch pha tiêm	1	Tiêm	Lọ	300
16	Adacel	Mỗi liều 0,5ml chứa: Giải độc tố uốn ván 5Lf; Giải độc tố bạch hầu 2Lf; Ho gà vô bào: Giải độc tố ho gà (PT) 2,5mcg; Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) 5mcg; Pertactin (PRN) 3mcg; Ngưng kết tố 2 + 3 (FIM) 5mcg	Mỗi liều 0,5ml chứa: Giải độc tố uốn ván 5Lf; Giải độc tố bạch hầu 2Lf; Ho gà vô bào: Giải độc tố ho gà (PT) 2,5mcg; Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) 5mcg; Pertactin (PRN) 3mcg; Ngưng kết tố 2 + 3 (FIM) 5mcg	Hỗn dịch tiêm	5	Tiêm	Lọ	30
17	Avaxim 80U Pediatric	Mỗi liều 0,5ml chứa Virus viêm gan A, (chủng GBM) bất hoạt 80U	Mỗi liều 0,5ml chứa Virus viêm gan A, (chủng GBM) bất hoạt 80U	Hỗn dịch tiêm	1	Tiêm	Bơm tiêm	30

ST T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Dạng bào chế	Nhóm TCK T	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng
18	Hexaxim	Mỗi liều 0,5 ml chứa: Giải độc tố Bạch hầu: không dưới 20IU; Giải độc tố Uốn ván: không dưới 40IU; Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT): 25mcg, Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA): 25mcg; Virus bại liệt (bất hoạt): Típ 1 (Mahoney) 40 đơn vị kháng nguyên D, Típ 2 (MEF-1) 8 đơn vị kháng nguyên D, Típ 3 (Saukett) 32 đơn vị kháng nguyên D; Kháng nguyên bề mặt Viêm gan B: 10mcg; Polysaccharide của Haemophilus influenzae típ b (Polyribosylribitol Phosphate): 12mcg cộng hợp với protein uốn ván 22-36mcg	Mỗi liều 0,5 ml chứa: Giải độc tố Bạch hầu: không dưới 20IU; Giải độc tố Uốn ván: không dưới 40IU; Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT): 25mcg, Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA): 25mcg; Virus bại liệt (bất hoạt): Típ 1 (Mahoney) 40 đơn vị kháng nguyên D, Típ 2 (MEF-1) 8 đơn vị kháng nguyên D, Típ 3 (Saukett) 32 đơn vị kháng nguyên D; Kháng nguyên bề mặt Viêm gan B: 10mcg; Polysaccharide của Haemophilus influenzae típ b (Polyribosylribitol Phosphate): 12mcg cộng hợp với protein uốn ván 22-36mcg	Hỗn dịch tiêm	1	Tiêm	Bơ m tiêm	100
19	Imojev	Mỗi liều 0,5 ml vắc xin hoàn nguyên chứa: Virus Viêm não Nhật Bản chủng SA14-14-2 tái tổ hợp, sống, giảm độc lực	4,0 - 5,8 log PFU	Bột đông khô pha tiêm	5	Tiêm	Lọ	50

ST T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Dạng bào chế	Nhóm TCK T	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng
20	Vaxigrip Tetra	Mỗi liều 0,5ml vắc xin (dạng mảnh, bất hoạt) chứa: A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09 - sử dụng chủng tương đương (A/Victoria/4897/2022, IVR-238) 15 mcg HA; A/Darwin/9/2021 (H3N2) - sử dụng chủng tương đương (A/Darwin/9/2021, IVR-228) 15 mcg HA; B/Austria/1359417/2021 - sử dụng chủng tương đương (B/Michigan/01/2021, chủng hoang dã) 15 mcg HA; B/Phuket/3073/2013 – sử dụng chủng tương đương (B/Phuket/3073/2013, chủng hoang dã) 15 mcg HA	Mỗi liều 0,5ml vắc xin (dạng mảnh, bất hoạt) chứa: A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09 - sử dụng chủng tương đương (A/Victoria/4897/2022, IVR-238) 15 mcg HA; A/Darwin/9/2021 (H3N2) - sử dụng chủng tương đương (A/Darwin/9/2021, IVR-228) 15 mcg HA; B/Austria/1359417/2021 - sử dụng chủng tương đương (B/Michigan/01/2021, chủng hoang dã) 15 mcg HA; B/Phuket/3073/2013 – sử dụng chủng tương đương (B/Phuket/3073/2013, chủng hoang dã) 15 mcg HA	Hỗn dịch tiêm	1	Tiêm	Bơ m tiêm	600
21	Abrysvo	Một liều (0,5ml sau khi hoàn nguyên) chứa: Kháng nguyên F ổn định tiền dung hợp của RSV phân nhóm A 0,06mg; Kháng nguyên F ổn định tiền dung hợp của RSV phân nhóm B 0,06mg	Một liều (0,5ml sau khi hoàn nguyên) chứa: Kháng nguyên F ổn định tiền dung hợp của RSV phân nhóm A 0,06mg; Kháng nguyên F ổn định tiền dung hợp của RSV phân nhóm B 0,06mg	Bột và dung môi pha dung dịch tiêm	1	Tiêm	Bơ m tiêm	200
22	Heberbiovac HB	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết $\geq 95\%$)	20 mcg/1ml	Hỗn dịch tiêm	5	Tiêm	Lọ	200
	Tổng khoản: 22							

PHỤ LỤC 2: MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thư mời chào báo giá số 1025 /TMBG-BVĐKHB ngày 06/05/2026 của Bệnh viện Đa khoa Hoà Bình)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Hoà Bình

Công ty Có địa chỉ tại, số đăng ký kinh doanhđược cấp bởi.....(Trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh).

Căn cứ theo thư mời báo giá số: ngày/tháng/năm 2026 của Bệnh viện. Chúng tôi xin gửi tới quý Bệnh viện bảng báo giá các mặt hàng như sau:

STT	STT trong thư mời chào giá	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Hạn dùng (Tuổi thọ)	Nhóm TCKT	Quy cách đóng gói	SDK/ GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trúng thầu trong vòng 12 tháng	Ghi chú (Số QĐ, ngày/tháng/năm, đơn vị trúng thầu)
1																		
2																		
...																		
Tổng cộng:																	

Giá trên đã bao gồm VAT, chi phí vận chuyển, giao hàng và các chi phí khác (nếu có).

1. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 120 ngày, kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của mặt hàng trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu)